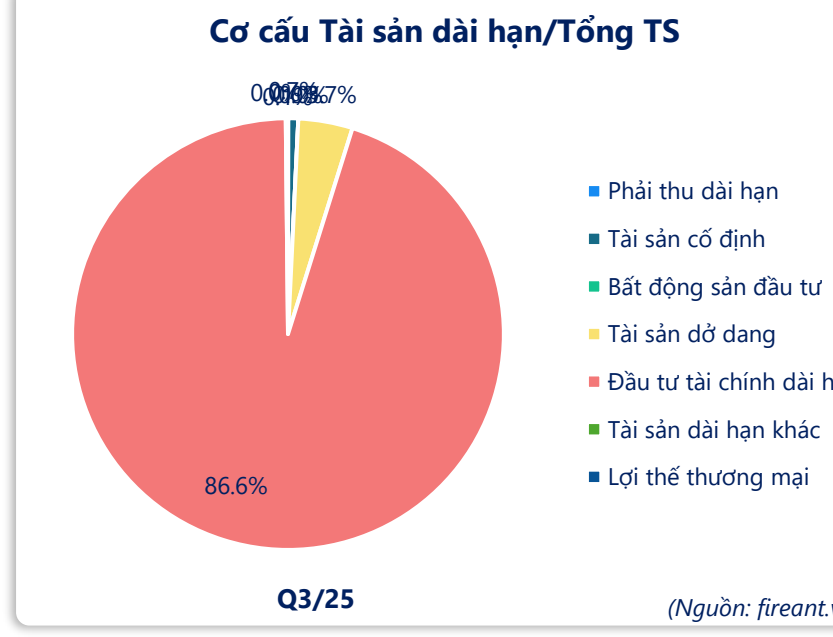
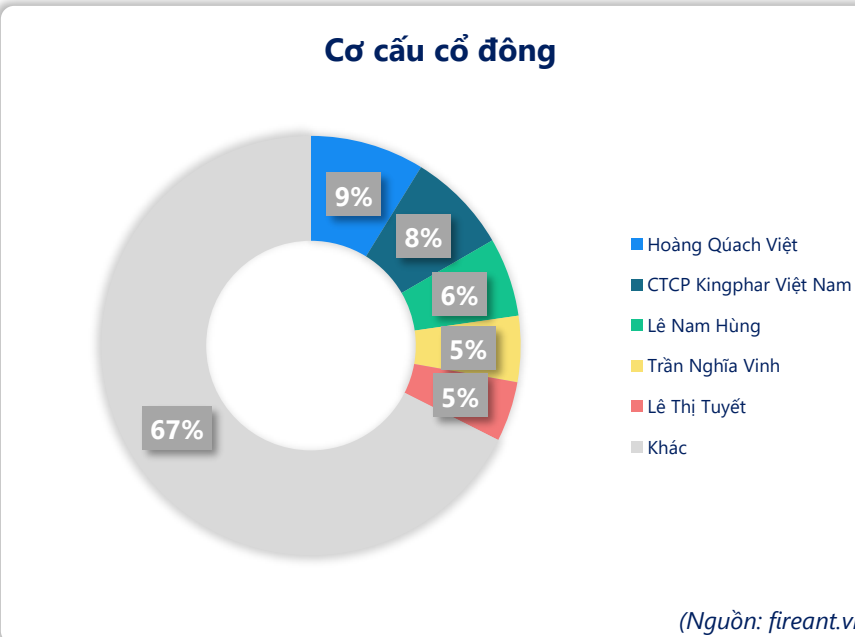
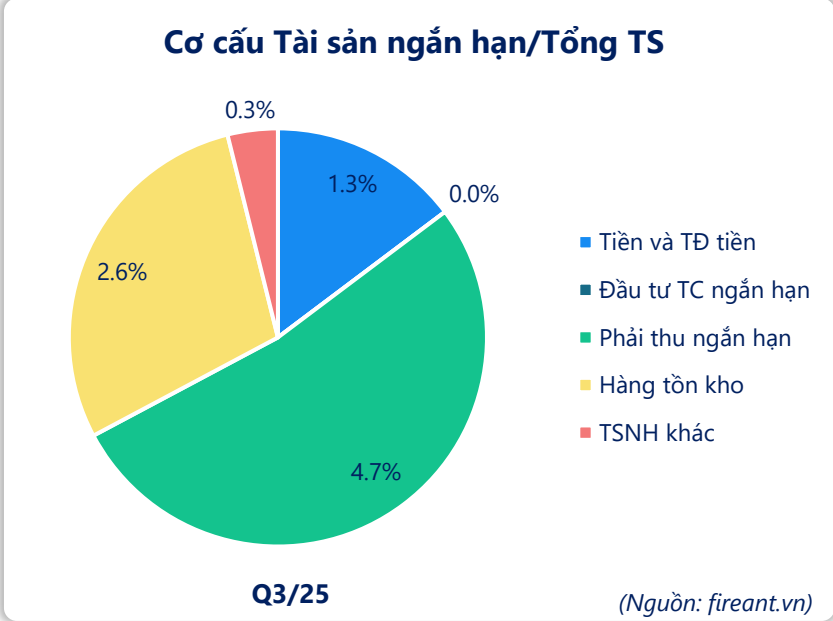
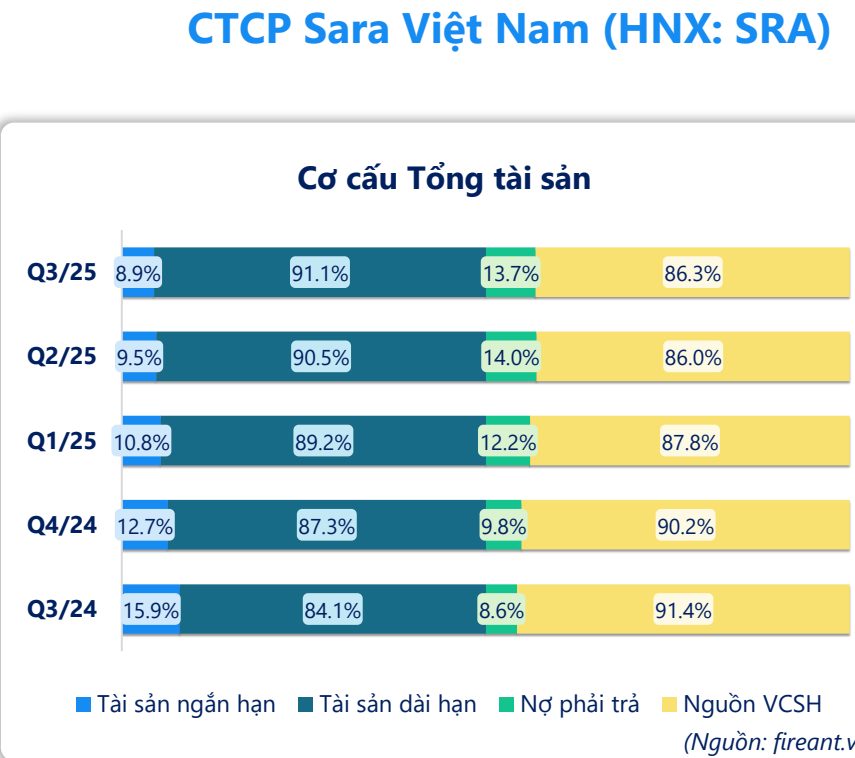
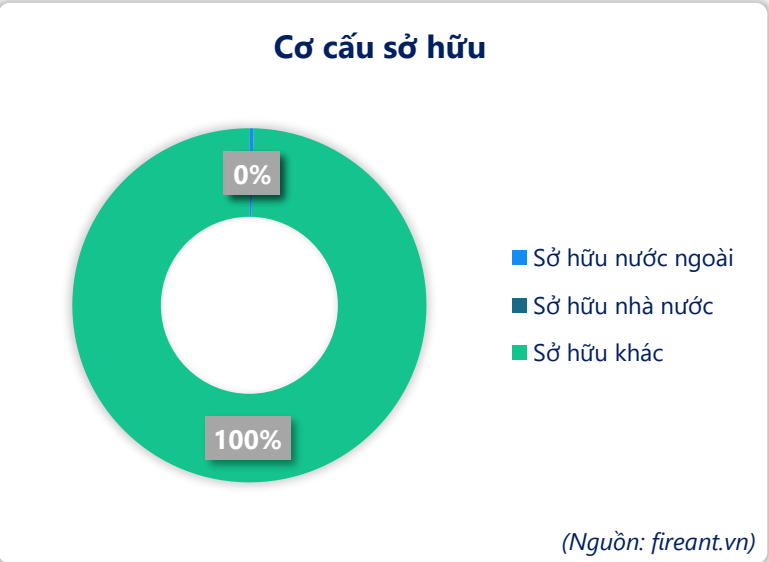
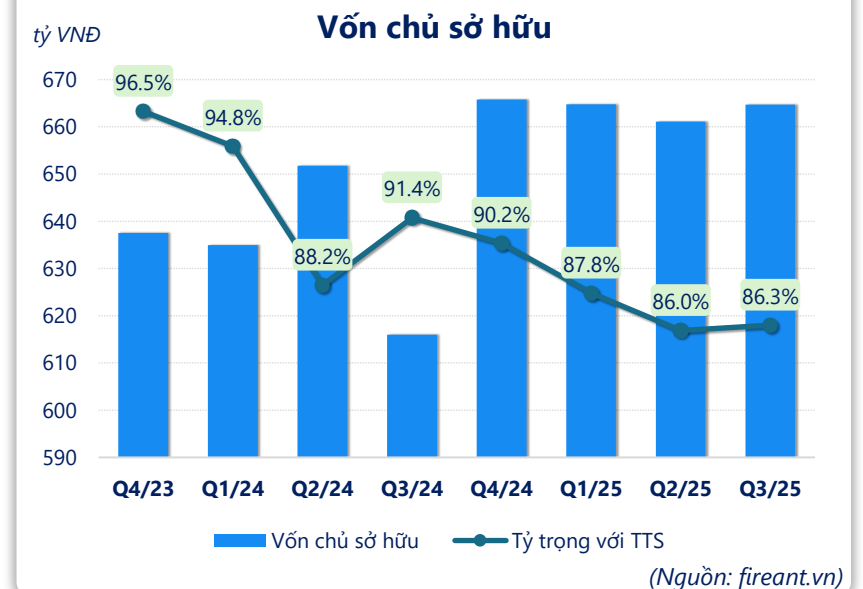
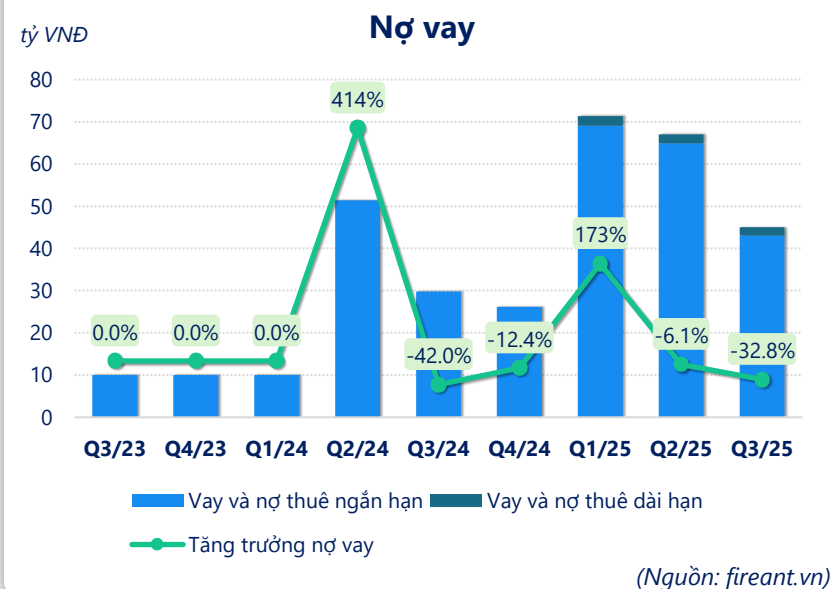
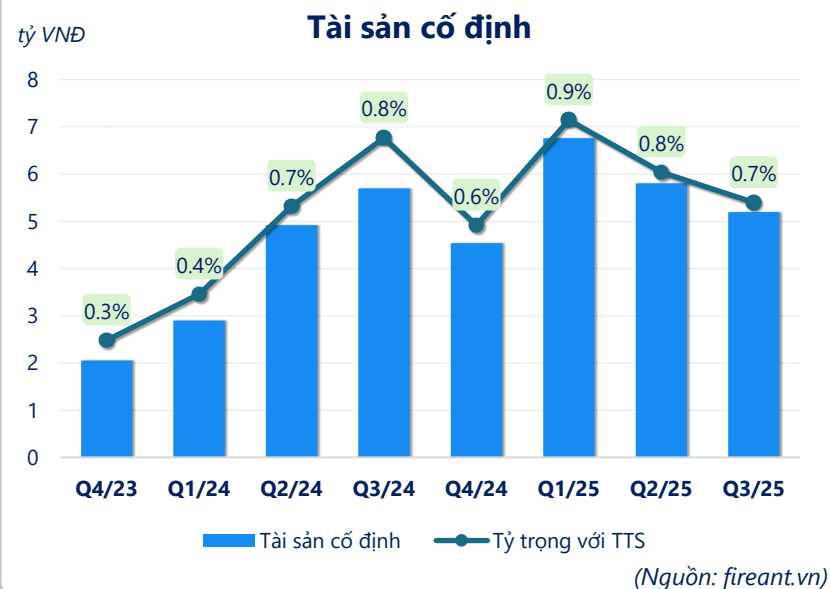
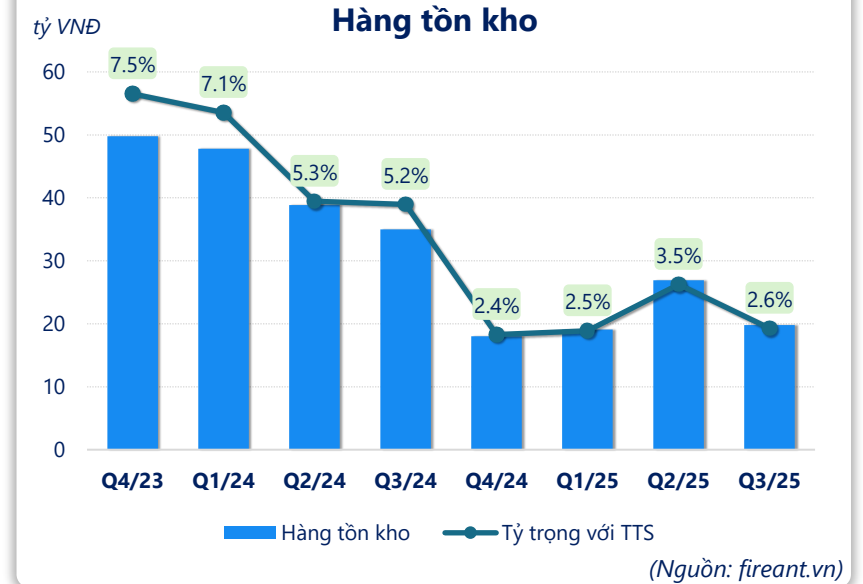
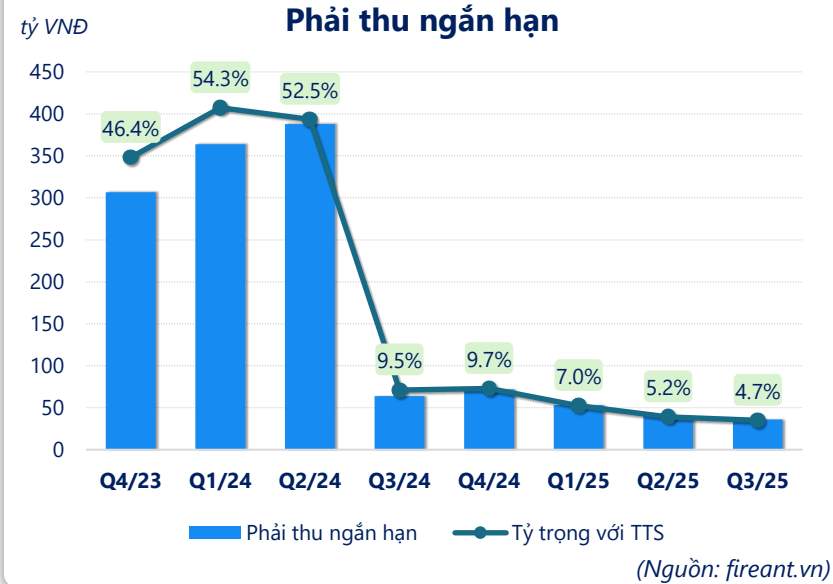
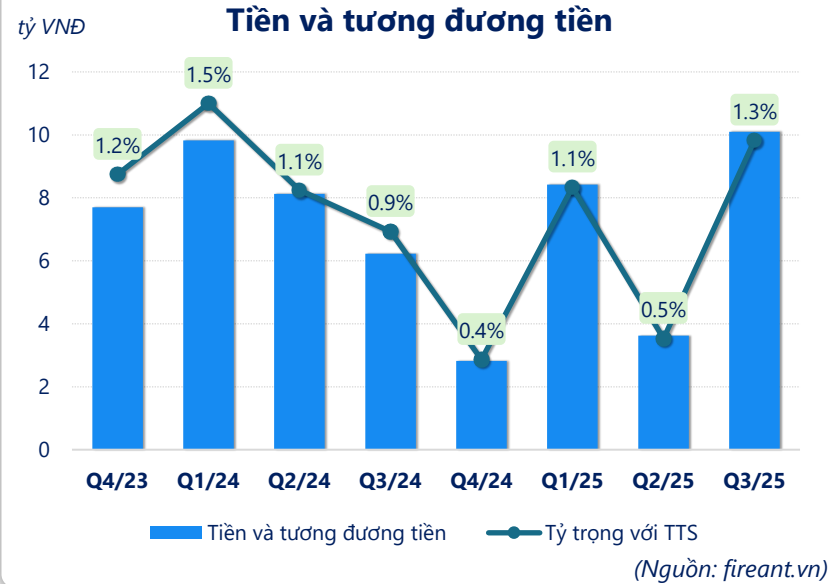
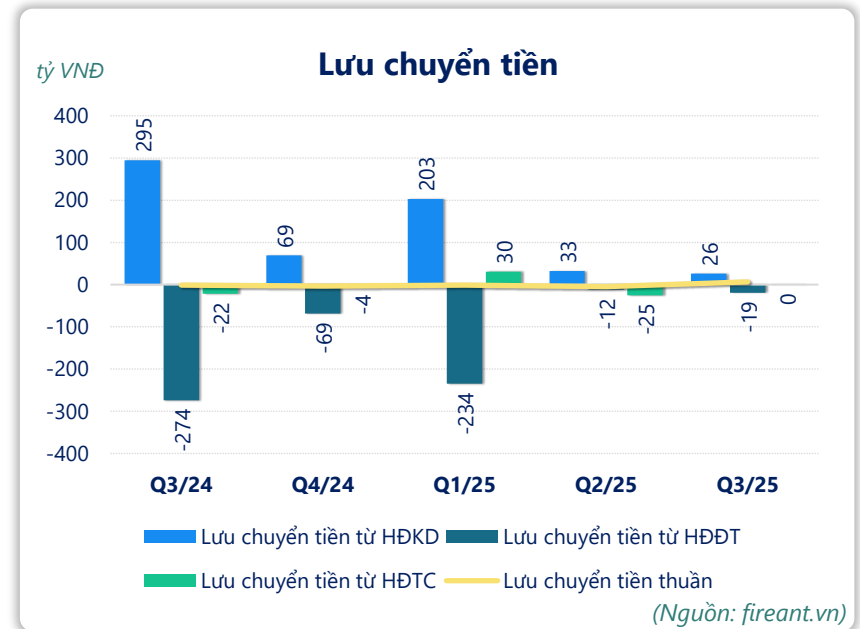
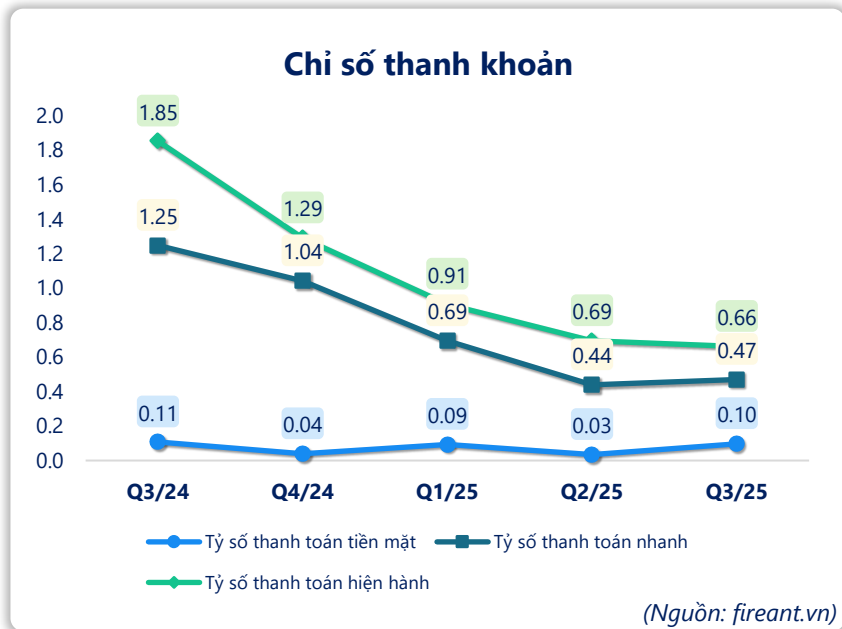
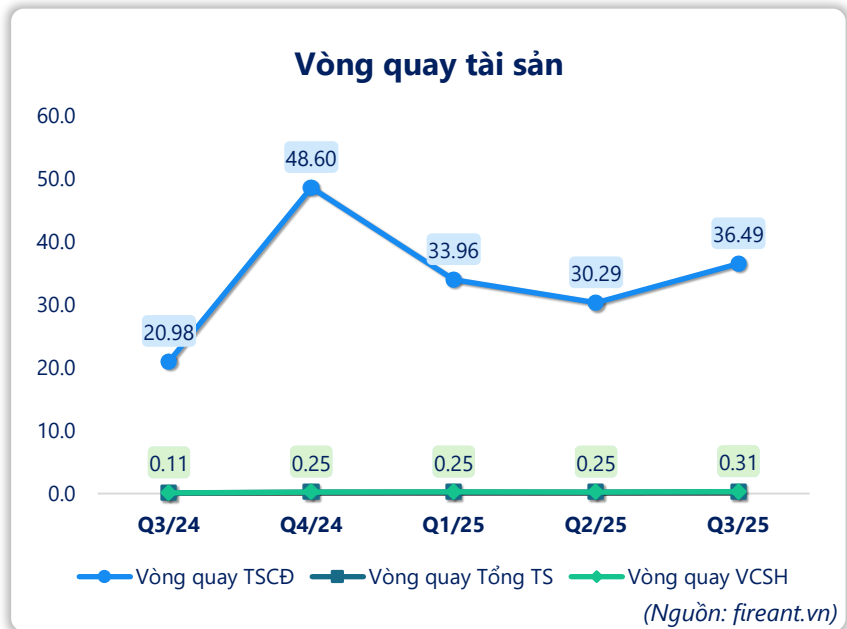
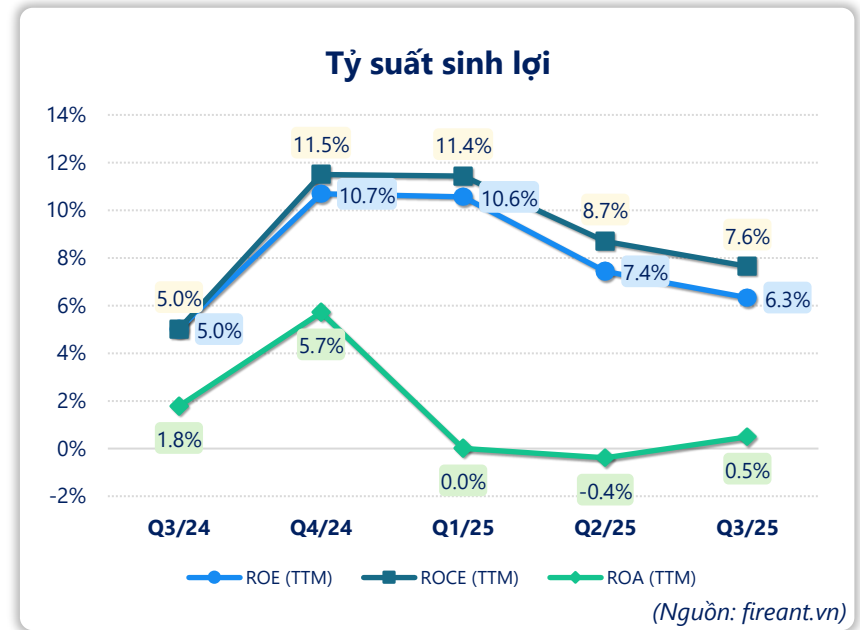
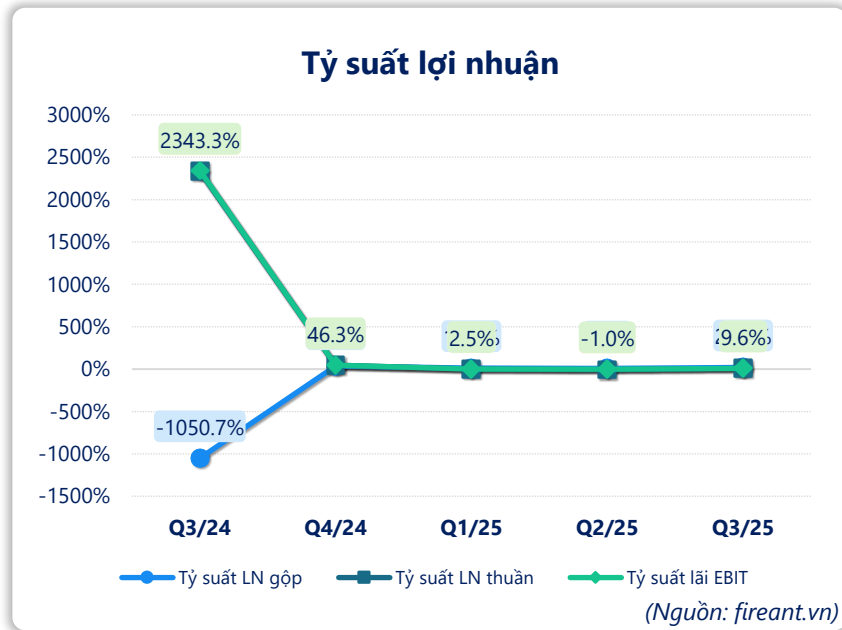
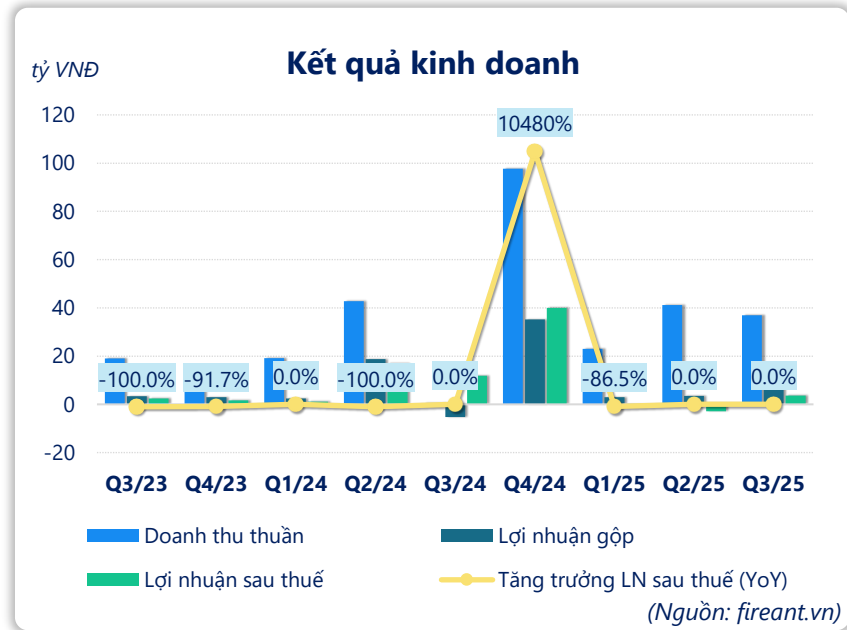


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		3,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,000
SL cổ phiếu LH		43,199,974
KLGD BQ 20 phiên (CP)		106,040
% sở hữu nước ngoài		0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		130
P/E		3.2
EPS		939

	YTD	1T	3T	6T
SRA	36.4%	-3.2%	-9.1%	-14.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	770	738	4.3%
Tài sản ngắn hạn	68.5	91.9	-25.4%
Tiền và tương đương tiền	10.1	9.73	3.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	35.9	63.9	-43.7%
Hàng tồn kho	19.8	17.4	14.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.66	0.89	199%
Tài sản dài hạn	702	647	8.5%
Phải thu dài hạn	0.18	0.18	0.0%
Tài sản cố định	5.19	6.91	-24.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	28.5	20.2	41.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	667	618	7.8%
Tài sản dài hạn khác	1.15	1.18	-2.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	106	74.4	41.9%
Nợ ngắn hạn	104	72.1	43.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	43.0	38.7	11.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	23.2	26.0	-10.7%
Nợ dài hạn	2.02	2.29	-11.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.02	2.29	-11.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	665	664	0.1%
Vốn chủ sở hữu	665	664	0.1%
Vốn điều lệ	432	432	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	0.50	97.7	23.0	41.1	36.9
Giá vốn hàng bán	5.80	62.5	20.0	37.7	29.3
Lợi nhuận gộp	-5.29	35.3	2.97	3.45	7.64
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.13	0.03
Chi phí TC	0.56	-11.0	0.73	2.10	0.61
Chi phí lãi vay	0	0	0.56	2.17	0
LN trong công ty LKLD	-0.23	-0.64	-1.12	-1.30	-1.64
Chi phí bán hàng	0.18	0.45	0.10	0.40	0.23
Chi phí QLDN	-18.0	-0.15	1.00	2.36	1.62
LN thuần từ HĐKD	11.8	45.3	0.01	-2.58	3.57
Lợi nhuận khác	0.05	-0.01	0.00	-0.01	-0.01
LN trước thuế	11.8	45.3	0.01	-2.59	3.56
Lợi nhuận sau thuế	11.8	39.9	0.01	-2.91	3.56
LNST của CĐ cty mẹ	11.8	39.9	0.01	-2.92	3.56

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	295	69.1	203	32.5	26.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-274	-68.9	-234	-12.1	-19.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-21.6	-3.69	30.4	-25.1	-0.46
Tiền đầu kỳ	8.12	6.22	9.73	8.42	3.63
Lưu chuyển tiền thuần	-1.28	-3.41	-1.31	-4.78	6.46
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	6.22	2.82	8.42	3.63	10.1

(Nguồn: fireant.vn)